

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2019
V/V:Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Cự

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:Bà Trần Thị Ánh Tuyết-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST – HNGĐ ngày 21/01/2019 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Chị H, năm sinh 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Lại Hoàng, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- Bị đơn:Anh T, năm sinh 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Lại Hoàng, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị H trình bày:

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị H và anh T kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình, công việc, nuôi dạy con cái, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Khi cãi nhau thì anh T thường xúc phạm đến danh dự của chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng, đến khoảng tháng 02 năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau và ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung vợ chồng: chị H và anh T có 02 con chung là cháu K, sinh ngày 18/3/2006 và cháu D, sinh ngày 13/01/2009. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chồng cấp dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày:

Về mâu thuẫn vợ chồng: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn anh T đồng ý với phần trình bày của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh T không thích chị H quan hệ với bạn bè của chị H. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau và ly thân từ đó đến nay. Nay anh T xác định không còn tình cảm với chị H, vợ chồng không thể hàn gắn được, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung vợ chồng: Anh T cũng xin nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T; về con chung: Giao mỗi anh chị nuôi một cháu, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung: Không phải giải quyết; về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do chị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh T có nơi cư trú là xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà

Nội.Căn cứ khoản 1 Điều 28,điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú. Vì vậy,Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh T được giao văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình, công việc, nuôi dạy con cái, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Khi cãi nhau thì anh T thường xúc phạm đến danh dự của chị H.Đến khoảng đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng,vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T của chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng: Do anh T và chị H không đưa hai cháu đến Tòa án để hai cháu trình bày nguyện vọng và Tòa án đã đến nơi cư trú để lấy ý kiến của hai cháu nhưng hai cháu đều không có nhà. Vì vậy, Tòa án không lấy được ý kiến, nguyện vọng của hai cháu. Xét chị H và anh T đều có khả năng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu.Vậy Hội đồng xét xử xem xét giao cháu K cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Khắc Doanh cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T và chị H do hai bên không có yêu cầu.

[4].Về tài sản chung vợ chồng: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm:Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cháu K, sinh ngày 18/3/2006 cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; giao cháu D, sinh ngày 13/01/2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T và chị H cho đến khi cháu K và cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0004150 ngày 18/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, nay chuyển thành án phí. Anh Dương Hoàn phải 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP. Hà Nội;
- UBTT Yên Thường;
- Lưu:Hồ sơ vụ án;
- Lưu:Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Quang